

TRITÂN

TẠP CHÍ

知新
雜誌

Giá 120

Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm thứ nhất

Ung hộ cuộc kháng chiến của Giải phóng quân Việt L
Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam

TÙ' TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN ĐẾN TOÀN DÂN VẬN ĐỘNG

Kiến Xương

Bộ Nghĩa năm lịch sử không lúc nào bằng lúc này, dân tộc đáng thương và Việt-Nam yêu quý của chúng ta đang ở trong một hoàn cảnh vô cùng nghiêm trọng. Nạn xâm lăng, nạn đói rét đang đe dọa, đầy rẫy.

Trước cái nguy cơ cấp bách, nhưng cháy cháy xem mặt, một mặt trận rộng lớn phải thiết lập. và trong hàng ngũ đó, toàn thể dân Việt-Nam phải sẵn sàng hoặc dự bị là chiến sĩ.

Vẫn biết có các đoàn thể cứu quốc tự vệ, cứu tế để tập hợp tất cả các tầng lớp, các năng lực vào vòng tổ chức và đời sống thời cực, song thẳng thắn, ta phải nhận rằng còn rất lắm phần tử hèn hững và cái vô kháng tăng ở họ vẫn còn đang đe dọa cái tổ chức trên đây.

Sau 80 năm bị dân áp và bóc lột đến triệt để, một dân tộc, đã từng thử thách, chịu đựng dưới một lịch sử tranh đấu gay go và nhằn nặn, ngày nay lại được nhìn thấy, ánh sáng hi vọng của tự do và độc lập, không lẽ một dân tộc ấy có thể gần được nhiều phần là không biết nổi giận kìm bít và bảo tồn lấy sự sống cho mình để tính cút hợp đoàn tranh đấu là cái bản tính của những người

đã sống và muốn sống còn. Không lẽ gì một dân đầy nhựa sống như dân ta, sau bao nhiêu năm bị kìm hãm, dân áp không được phát triển và học lộ cái bản tính ấy, ngày nay lại có thể còn nhiều người không biết hãm hờ sẵn sẽ ra tranh cướp lấy!

Của đã mất nay lại thấy! Gai nguồn nước máu liệt vĩ đại, bị ngăn đón nay lại được buông thả! Nó phải là một sự bùng nổ, sôi nổi nổ vỡ lôi cuốn tất cả quốc dân vào một phong trào vô cùng sâu rộng như trận hồng thủy hồi tiền lịch sử

Trong lối Nhật thuộc, ai dễ ý đến thời cực, cũng phải nhận thấy một sự nóng nảy, hào hức ngàn ngạt như men hột của toàn dân mong đợi sự tranh đấu, kết đoàn. Đến nay, cái việc trước kia phải lên lút bị mặt được hành động công khai, cái việc trước bị ngăn cấm, nay được nâng đỡ khuyến khích, cái kết quả tưởng phải có lại không thấy thực hiện khiến chúng ta phải suy nghĩ tìm hiểu phải chăng? Hay cái tình trạng kinh tế, hoặc chiến cực Nam bộ, đã hấp dẫn người ta đến một khu vực cao và khẩn cấp hơn?

Có thể, nhà xã hội học cho là một đường lối tất nhiên của các

phong trào: nó phải cao trào lên rồi lại thoái lui, trong khi thoái ấy dễ cũng cố lại và dự bị một bước vọt cao hơn nữa, vẫn biết thế, song người đứng địa vị chỉ quan, phải chăm lo cho nó tiến tới luôn luôn, và do nguyên nhân kinh tế, chiến tranh hay chính kiến gì đi nữa chăng, cái chủ trương kết đoàn thể và hoạt động vẫn không có lý gì không phát triển mạnh mẽ

Muốn mở một mặt trận toàn dân kháng chiến, phải làm sao cho toàn dân vận động, toàn dân đoàn kết được chu đáo phải làm sao người dân nào cũng ở vào một đoàn thể, hay ít nhất gia đình nào cũng phải có một, hai người trong đoàn thể, mà trong các đoàn thể, không đoàn viên nào không hoạt động tùy theo địa vị và năng lực của mình.

Có đoàn thể, mới có sự đoàn kết và liên lạc chặt chẽ, và như thế một ý tưởng, một chỉ thị có thể lan truyền khắp toàn quốc, bất chấp cả diện tin tức báo chí.

Có hành động, mới có tình thân và tiến bộ, người giác ngộ thấp sẽ lên, cao được, và người giác ngộ cao còn lên cao nữa.

Mẫu học thực dân đã phân định chính sách chia rẽ, mà trị thì chúng ta cũng phải chia rẽ

mà đoàn kết và hoạt động. Chia theo đủ các phương diện, tinh thần, trình độ, quyền lợi, thì mới định được năng lực hoạt động cho từng hạng, và đoàn kết được chắc chắn.

Nước sạch phải được chứa với nước sạch, cát già được hợp với cát già, và với chín chẹn riêng ra với chín rồi ba thứ ấy sẽ chẹn lẫn theo một ý lẽ nhất định thành thứ vừa rất tốt. Công việc vận động ở nước phải làm với một nỗ lực khoa học, cần trọng và thứ bậc chứ không thể sáo lộn, với vàng cần lấy lượng mà không chú ở phẩm.

Có phẩm rồi sẽ có lượng, hòn gạch dưới móng xây được vững thì có thể chồng cao lên mãi mãi. Gạch non xây chỗ có thể non, gạch già xếp chỗ cần phải già, các ô cửa quy củ như thế thì không đoàn viên nào không có thể trở hết được năng lực của mình mà không phải cố gắng quá.

Khẩu hiệu quá cao với năng lực của người ta cũng có hại, và khẩu hiệu thấp hơn năng lực người ta cũng có hại, cái bị quyết mọi sự thành công chỉ ở chỗ ấy.

Vừa đề chúng tôi đổi chút, và làm một vài kiến vận vật tôi xin kể qua một câu chuyện của người bạn mới lại một cuộc tranh đấu nhỏ ở lao tù.

— Ở trong lao — lời người bạn — tôi vẫn thường tranh đấu, để cải thiện sinh hoạt, phần nào một thái độ tàn ác và nã là để luyện cho anh em tranh đấu. Hình thức tranh đấu có nhiều hạng, và

hình thức thấp nhất là tuyệt thực thời thường được áp dụng luôn. Tuy vậy, sự nhịn đói với một số đông người cũng là một việc rất khó, nhất là nó phải kéo dài 5, 7 ngày, và cầu lấy thắng lợi. Nếu cái số người tuyệt thực càng ngày càng đông thì không những tinh thần anh em suy sút và cả đối phương cũng khinh thị mà nói ngay đến lúc dễ nhất tổ chức nhiều người biết sự minh không chịu đựng được lâu, đã thoát lại không gia nhập. Vì trên đã nói những cuộc tranh đấu ấy được tổ chức để làm vu và lãng tinh thần tranh đấu, và sau nữa mong lấy thắng lợi một chút siu. Cao nên cuộc tuyệt thực cũng không có chủ đích kéo dài, cho đến chết. Tất nhiên cái phạm vi của nó cũng chỉ đến 5, 7 ngày, dù thắng lợi hay không, đến lúc anh em kháng kháng quá là cùng. Vì thế, cho nên, nó thường bắt đầu không được toàn thể anh em bị giam trong trại tán thành, và kết quả cũng không được mỹ mãn. Ở đủ số anh em dù toàn thể chịu đựng được từ ngày đầu đến ngày cuối.

Theo những kinh nghiệm ấy, lần sau chúng tôi đã tổ chức tranh đấu một cách khác. Muốn phản đối thái độ của viên giám ngục và yêu cầu một vài quyền lợi, — và cũng để nêu lên mâu thuẫn tranh đấu — chúng tôi đã tổ chức một cuộc tuyệt thực, — không phải đến chết — song trong hạn 5 ngày và chia ra từng đợt. Trong trại giam có 70 người ngay đầu, những phần tử có thể nhịn được 5 ngày là 20 người — những anh em bị giam bấy giờ phần nhiều còn vài

ba tháng sẽ hết hạn được về, nên tinh thần tranh đấu cũng không cao lắm — bắt đầu nhịn tiên phong, và đưa những lời vận sách cho giám ngục biết. Họ lơ đi không thêm vào hỏi.

Ngày thứ 2, thêm 20 anh nữa — những người nhịn được 4 ngày. Giám ngục vào trông qua rồi lại quay đi. Ngày thứ ba thêm 15 anh — những người ước hẹn nhịn 3 ngày — rồi ngày thứ tư, để mở một trận tổng công kích, yêu cầu tất cả các anh em trước chỉ nhận nhịn 2 ngày, hay một ngày cũng tham gia cho tăng lực lượng. Một số ít ốm yếu, hay không tinh thần tranh đấu, thấy thế cũng sốt sắng tham gia vào nổi, thành kết quả toàn trại, ném cơm ra giả chủ ngục và nhiệt liệt phản đối cũng yêu sách ngưng để nghị trước. Trong các cuộc tranh đấu ở lao tù tôi mới thấy có lần ấy là thắng lợi hơn cả. Thắng giám ngục thấy phong trào lên cao sợ lan sang cả các trại khác và sinh to chuyện. — Ở lao ấy trước vài tháng vừa xảy một cuộc tranh đấu lớn nhất — và ngay những bộ phận và nhận cả bấy nhiêu điều yêu sách.

Đây chỉ là một đề sảo của một chuyện vận vật, song ta có thể rút kinh nghiệm rằng, không phần tử nào không có tinh thần và năng lực tranh đấu, song cái hình thức và trình độ phải thích hợp thì họ mới hưởng ứng được phong trào. Đừng nói: Đám quần chúng này không có tinh thần, cái không có là phương pháp và hình thức tổ chức cũng như là công tác thích hợp.

Vừa rồi là một câu chuyện ứng là cái hàng rào, bị mà Hà đường cầu thần chú, tôi và n đã đàng phải rung. KIẾN-XUÂN

SỰ KHÁNG-CỰ CUỐI CÙNG

CỦA DÂN CHÀM NĂM ẤT-VI 1945

HIỆN giờ, ở vài đồng bằng miền nam Trung - kỳ và ở các rìa đồi tay thu: làng nhỏ hẹp lân cận, dân Chăm còn sống lơ thơ, chỗ này đám nhà, chỗ kia vài xóm. Tổng số ước độ vài vạn người là cùng.

Dân Chăm đông nhất ở tại vùng: phía nam sông Kinh dinh (còn gọi là sông Phan rang) và đồng bằng sông Lũy. Hai vùng đó nhỏ hẹp, ít mưa đều khó cây cấy cấy.

Ở vùng thứ nhất, dân Chăm ước độ một vạn người, họp làm một huyện gọi là An-phước (huyện - lý gần ga Tour Cham, thuộc về đạo Ninh-thuận Đạo có quan Quán-đạo, nhưng dân Việt trong đạo chỉ họp lại độ một trăm làng, không làm thành một huyện, và do quan Quán-đạo cai-trị một cách trực-tiếp.

Ở vùng thứ hai, dân Chăm ước độ bốn nghìn người, cũng họp thành một huyện gọi là huyện Phan-rí-châm. Trước đây mới vài năm, huyện này chỉ có một viên Lạc-mục, người Chăm, làm việc quan, thuộc quyền quan Tuần phủ Bình-thuận, cũng như huyện An-phước có Thủ-trì huyện ở dưới quyền quan Quán đạo Ninh-

thuận vậy. Mới đây, Triều đình cho quan ta vào nhận chức Tri-huyện ở Phan-rí-châm, để cai-trị trực tiếp người Chăm hạt đó.

Bây giờ người Chăm chỉ được tự-trị lấy nhau — tuy vẫn bị kiểm sát — ở An-phước mà thôi.

At đã đi hăm mấy miền nam Trung-kỳ, đã thấy người Chăm, (còn có tên gọi là Hơ) hiện giờ còn lại, sinh nhai một cách vất vả và gần như quên đến hết cả lịch-sử của họ ngày xưa, hỏi đủ là người Việt — nghĩa là người mà giống nòi vì sự sinh-tồn đã phải chịu phục họ — cũng động lòng trắc-ẩn.

Tôi còn nhớ nhờ một người đầu-mục Chăm nói với tôi, mắt mờ màng nhìn nằng chưa dãi trên Tháp Vua: « Năm Minh-mạng thập lục năm Ất-vị quan quân đánh phá, đốt hết chết nhiều... Nhưng không biết rõ chuyện... K ông ở sát h Chăm nào kể chuyện đánh dẹp ấy ».

Tại sao năm đó Triều-đình lại tàn hại dân Chăm?

Đó là đầu-đề bài khảo-cứu nhỏ này vậy

Trước năm Nhâm-thìn (1832), người Chăm ở phía nam sông Kinh-dinh và đồng bằng sông Lũy, họp làm một phủ gọi là phủ

Thuận-thành thuộc về trấn Bình-thuận. Phía bắc phủ Thuận-thành tức là tỉnh Khánh hòa bây giờ, thời hồi đó đã có quan ta cai-trị rồi. Phía nam là phủ Hàm-thuận, cũng thuộc về trấn Bình - thuận. Trấn có quan Trấn cai trị.

Vậy dân Chăm ở len vào giữa hai địa-hạt quan Việt cai-trị. Ở hai địa hạt đó, dân Việt chắc đã đông lắm tuy năm Bình-dậu (1837), Trừu-đình còn cho lập hai sở đồn-diên ở Bình-hòa và Đại-an (thuộc Khánh-hòa). Dân Việt ở Thuận-thành chắc cũng nhiều.

Nhưng dân Chăm được tự cai-trị ở phủ Thuận-thành, được học chữ họ và không phải nộp thuế.

Ta có thể tin chắc như thế theo tài liệu sau đây:

« Năm Nhâm-thìn (1832) tức là năm thứ XIII triều vua Minh-mạng, tháng mười, phủ Thuận-thành cải làm phủ Ninh-thuận.

Ngài (chỉ vua Minh-mạng) nghĩ rằng Thị lang Lê nguyên Trung đã từng làm Hiệp-trấn Bình-thuận, rõ biết tình trạng, mới khiêu qua đó hiệp-dồng với quan trấn trấn-nghị sửa-sang công việc. Khi Trung đến, tay địa-thổ chia đặt huyện An-phước, Tây-phong thuộc về

phủ Ninh-thuận, huyện Hòa-đà, Tuy-định thuộc về phủ Hà-m-thuận. Tại phủ thời đặt một Tri-phủ, một Giáo-thủ. Tuy-phong, Tuy-định, mỗi huyện đặt một Tri-huyện, một Huấn-đạo. Tổng thời đặt một Chánh-tổng, nơi Hán dùng người Hán, nơi Thổ dùng người Thổ, thuế ruộng đất của dân Thổ thời chờ ba năm rồi sẽ lấy thuế. Và cao chữ họ như chữ Mai, Trúc, Tùng để phân biệt họ hàng.

Nhưng — cũng theo một tài-liệu đó — ta nhận thấy rằng năm Nhâm-tân (1832), vua Minh-mạng đã muốn Việt hóa họ và bắt họ chịu thuế!

Có quan huyện, quan phủ cai-trị trực-tiếp họ, có quan huấn-đạo, giáo-thủ dạy họ học chữ Hán. Sự dạy học đó có bắt buộc không? Chữ Chăm có được dùng nữa không? Tôi không được biết. Tổng người Hán (nghĩa là người Việt) có chánh tổng người Hán, nhưng tổng người Thổ (nghĩa là người Chăm, thổ-dân) được người Thổ cai-trị. Vậy chắc làng người Chăm cũng không có « lý-trưởng » người Việt.

Vậy sự cai trị của các quan ta còn dễ ít quyền, cho người Chăm, không « soi bói » đến việc làng xã của họ. Có lẽ họ vẫn dùng chữ Chăm lẫn họ với nhau. Và lại, thời đó, việc quan cũng ít, thứ nhất là thuế chưa phải đóng vì các lý do ấy, nên sau năm Nhâm-thìn (1832), đất cũ của họ có bị chia làm phủ huyện dù có quan Việt

cai-trị và dạy học, họ cũng không phản-đối Triều-đình.

Nhưng vua Minh-mạng có dụ rằng « thuế ruộng đất của dân Thổ thời chờ ba năm (sau năm Nhâm-tân 1832) rồi sẽ lấy ».

Vậy dân Chăm đến năm Ất-vị (1835) sẽ phải nộp thuế cho quan phủ, huyện người Việt?

Họ có nộp thuế không? Hay họ nộp không đủ? Hay họ đã nổi loạn chống với lệ nộp thuế đó? Hay quan ta đã hà khắc?

Tôi không được biết rõ nguyên-nhân sự thế ra sao, nhưng sử cho ta biết là dân Chăm nổi loạn theo bốn tài-liệu sau đây (tài-liệu đánh số)

1 « Năm Ất-vị (1835, tháng tư Đê-đốc Bình-touquin là bô công Huyền, Tân-ương à Lê dừ Tiêm đem bên binh đánh gạc Mường ở Kha-lốt, Tà-lap, phá hơn mười sở đồn, bắt sống tướng giặc là Xa Cẩn và chém giết rất nhiều, đốt hết đồn trại và thâu hết tiền lương Quân Mọi tới đầu thú hơn hai trăm đừa. Chúng nó đều nói: « Bị giặc Thổ hiếp phải theo, xa tha khỏi chết ». Bọn Công Huyền phát cho cơm rượu và khăn đỏ, hết lòng hiền dụ khiến thông, bảo các Mọi trở về như cũ. Rồi đem việc ấy tâu lên. Nghe nghe ban khen, thưởng công huyền gia một cấp thưởng Đức Tiêm ý lực mộ trừ. »

2 « Tháng sáu, giòng dơi Chiêm-thành Tà Nguyễn - văn - Thừa, Nguyễn - văn - Nguyễn phải tội bị giết bỏ, vì tên Đỗ văn Hoan xưng hai tên Ấy Ấm - thông

với giặc Khôi ở thành Phồn-an. »

3 « Tháng sáu nhuận, giặc Thổ tỉnh Bình-thuận lại tụ ở Đất bốn, di lên xuống địa hạt Hòa-thuận, Long bàn. Ấn-sát Lê dừ Tiêm, Quân-cơ Tôn - thất - Thành đánh phá tàn giặc Triều đình cho Tiêm và thành thắng trật, còn bnh dân các đạo đều được thưởng tiền. (Hai làng Hòa-thuận và Long bàn bấy giờ thuộc về tổng Đa-phước phủ Hòa-đà ở đồng bằng Sông Lũy.)

4 « Tháng tám, giặc Mọi Bình-thuận đã dẹp yên cả, Dương văn Phong được thăng tham tri bộ Binh kiêm Đô-sát, nhưng lãnh Đỗ chánh Bình-thuận, lại thưởng gia quân-công một cấp.

Bốn tài-liệu chép trên đây cho ta biết là dân Chăm đã nổi loạn như thế nào và quan quân Triều đình đã đánh dẹp ra làm sao. Ta nhận thấy như sau này:

1. Tháng tư, loạn dân Chăm bắt đầu bị đánh phá, đến tháng tám thời bị dẹp yên: họ đã chống cự bền bền được ba bốn tháng, sau khi dấy binh hai lần, về tháng tư và tháng sáu nhuận.

2. Theo các tài-liệu, có dân Mường, dân Thổ dân Mọi nổi lên, không thấy nói tới dân Chăm.

Chữ Mường đây, cũng như chữ Thổ chỉ người Chăm là Thổ dân. Còn chữ Mọi không có thể chỉ người Chăm được, nếu không sao có câu: « Quân Mọi tới đầu thú hơn hai trăm đừa. Chúng nó đều nói: Bị giặc Thổ hiếp phải theo, xa tha khỏi chết. »

Vậy ta có thể kết luận là người Chăm đã sui người Mọi nổi lên để giúp sức chúng vậy.

Quân Việt đã « chém giết rất nhiều, đốt hết đồn trại, thâu hết thóc lương. » của quân Chăm, Mọi, nhưng hơn hai trăm tên Mọi đến đầu-thủ đều không bị giết, lại được cấp cho « cơm, gạo và khăn đỏ ». Ấy là để cho « sáng » thông báo các Mọi trở về như cũ. Vậy chắc là nhiều vùng Mọi lúc bấy giờ đã nổi lên và Quan 'a đã muốn lấy Mọi để dụ Mọi về hàng.

3. Sử chép rằng « giồng - giời Chăm-thành là Nguyễn văn Thừa, Nguyễn văn Nguyễn phải tội bị giết bởi vì tên Đỗ văn Hoan-xung hai tên ấy âm-thông với giặc Khơ ở thành Phiên an. »

Tôi không biết tên Đỗ văn Hoan là người Việt hay là người Chăm, làm chức gì, có chứng cứ gì mà buộc Nguyễn văn Thừa và Nguyễn văn Nguyễn « không biết tên Chăm cũng hai người này » vào tội « âm-thông với giặc ở thành Phiên an » (họ cũ là Lê văn Kì ở). Tên Hoan và cao để lập công chăng? Hay quan ta đã điều ra để kềm tội giết người « y ông giời (nhà vua) Chăm thành » ?

Dù Nguyễn văn Thừa và Nguyễn văn Nguyễn can tay không, ta nhận là hai người ấy đã không nổi lên với dân Chăm vào tháng tư năm Ất-vi (1835) người ấy có hề can gì ở cuộc loạn thổ đã bị xử tử rồi, không cần phải có ta, Đỗ văn Pơn mới chỉ tên âm-thông với: tên Lê văn Kì ở đây là vụ cáo buộc họ họ ấy. Ta có thể dự đoán là tuy có dân mọi giúp sức, dân Chăm không có đầu-mục hưởng ứng: những người này đã bị chết. Nhưng họ có được yên

đâu: vì họ là « giồng giời Chăm thành » nên có lẽ quan ta đã chú ý tới họ và đã muốn cho họ phải tội chết, đồ khôi lỏi về sau (1).

4. Chỉ dùng đến quân quân Bình-thuận, Triều đình cũng dẹp yên được loạn người Chăm. Chắc quân lính hai bên đã ít cả. Tướng của ta là Bùi công Huệ ở Đắc Bình - Thuận, Lê đức Têm, An-sát lĩnh chức: Tán-trung trong quân, Tôn-tể ở Trấn, Quân-cơ và Dương văn Phong, không biết trước chức gì như sau được thăng lên Đô-lãnh Bình-thuận; tháng mười lại lên chức Tuần phủ.

Cũng như bất cứ một cuộc loạn nào, sự « khôi phục » của dân Chăm năm Ất-vi (1835) có người anh hùng có kẻ phản đảng: kẻ ấy thời được Tể-tham của ta cho là trung tâm là một tên đầu mục.

Sử cho ta biết rằng:

« Tháng mười (năm Ất-vi 1835) truy tặng chức Chánh - đội - người đầu mục sách là... ở tỉnh Bình - Thuận là tên lý hoạch Phát.

Khi trước, quan binh đi đánh giặc Mọi, tên Kỳ hoạch Phát trước hết theo Triều đình, ra sức đo thám bắt giặc. Khi quân Triều đình trở về, tên giặc tất đem quân đón bắt Hoạch Phát bắt theo nó chạy. Phát không chịu, ta to mắng giặc, rồi đập trán vào cây rừng mà chết.

Tuần phủ Dương văn Phong tâu lên. Ngài dụ rằng: « Kỳ hoạch Phát là một đứa đầu mục trên Mọi mà một lòng hướng - thuận,

không chịu khuất giặc, liệt liệt đáng khen. » Nên cho tặng Cánh - đội, lại thưởng nhà nó năm mươi đồng tiền bạc Phái long nặng lớn và lập miếu thờ tại đồn - xứ, cho lễ một lần, ban biếu ngựa cho tể bảy người nội - nghĩa. Ngai lại ngự cho hai thơ, kẻa Noi - các lục tuần hai đồn, một đồn đốt ma se, một đồn - kẻa ba - dựng trước miếu thờ. »

« Tên giặc tất » là người anh hùng còn Kỳ hoạch Phát, cuối là kẻ phản bội đối với dân Chăm.

Sự chống sự lại với Triều đình năm Ất vi (1835) là sự duy - binh lần cuối cùng của dân Chăm - vậy Dân đó sau này sẽ không, có thể chống cự bằng gươm đao với quân Việt-nam nữa. Từ năm Ất-vi trở về sau, họ bị quan ta cai-trị trực-tiếp... và thu thuế. Các quan ta đã cai-trị họ như thế nào? Có bà sắc làm không? Dù sao, bốn năm sau, ta nhận thấy kẻ quả của sự cai-trị đó, là sự Việt-nam-hóa dân Chăm sống ở hạt

(1) Lại còn có kẻ đầu mục đi theo quân Việt ra sức đo thám tình hình quân Chăm để lập công như tên Kỳ hoạch Phát, đầu mục sách là Nguyễn chủ g hợ (xem ở dưới). Ta có thể chắc rằng sự khôi phục năm Ất-vi (1835) là do dân Chăm - do nông dân - không muốn đồng thuận cho Triều đình Huế: dân đó đã không được các đầu mục giúp sức mà lại còn bị họ phản nã.

Ninh - thuận, và nhất là Bình - thuận (1).

Sẽ chép rằng :

Năm Kỷ-hợi (1839), tháng ba, Ngài truyền dời các xứ Thổ dân tỉnh Bình-thuận gọi là Xã-dân. Triều-dinh nghĩ rằng chỗ Thuận thành đã đặt phủ huyện, người Thổ đã dần dần học theo thói người mình, quen tập việc quan, theo giáo-huấn rất mau, vậy nên truyền chỉ dời làm Xã-dân để cho biết Triều-dinh coi dân Hán và dân Thổ như một.

Tháng mười năm Nhâm thìn (1832) vua Minh-mạng đã cho người Chăm tên họ là Mai, Chủ-Tùng, tên các cây để phân biệt họ hàng, cũng như về tháng năm năm Đinh dậu 1837 Ngài đã ban cho dân Mọi vùng Tây-ninh (ở Nam-kỳ bây giờ) các tên cây và tên súc vật để làm tên họ như Lý, Đào, Dương, Hạnh, Ngưu, Dương, Tượng, Mã.

Có người Chăm giữ tên thổ âm của họ, như Kỳ, Bạch, Bân, nhưng cũng nhiều người — ngay từ hồi đó — đã học tên Việt như Nguyễn-văn-Thừa và Nguyễn-văn-Nguyên.

Sau năm Kỷ-hợi (1839), chữ là tên họ Việt nam đặt (chữ Việt nam lên nhà quan huyện không phải dùng chữ Việt nam vậy. Ai ai cũng có thể đã đem gán cho người Chăm, nói tiếng Việt. Chữ nho và cũng như quần áo Việt-nam : cái

khẩu đen, cái áo dài đen, cái quần (nâu)... sẽ làm cho người Chăm

bỏ ngoài giống người Việt vậy. Làng Chăm đến gọi là tên Việt.

Đã giờ, nếu ta vào nhà huyện An-phước, ta sẽ thấy dân sự

còn chữ Chăm thời ít người nhỏ.

Tình cảnh người Chăm hiện giờ làm cho ta phải suy nghĩ về sự thịnh suy của các dân tộc. Nhưng hiện giờ, nhiều người

Chăm — vì ở trong các gia đình — ở trường — thì nói chuyện với nhau — cả ở trong nhà và ở ngoài — đẹp năm Ất-vi, là mười sáu, triều Minh-mạng (1) NG T. LAU

(1) Những năm ta đoán rằng sau năm Ất vi (1835) dân Chăm phát động khởi loạn, tron thuê lính 2 cho Triều đình Huế — vì không có lý nào mà Triều đình lại thả kẻ thù — là nhân rằng, thất bại đã có đất quan phủ huyện, Triều đình đã để cho quan Chăm cai trị riêng dân Chăm ở An-phước và ở Phan-rí (xem địa dư).

(2) Theo sổ thuế ruộng đã năm 1941, ở huyện An-phước dân Chăm nộp thuế điền 7.583 mẫu và thuế thổ 1.178 mẫu và ở huyện Phan-rí Chăm, thuế điền đánh vào 8.175 mẫu và thuế thổ, 238 mẫu.

Năm Ất vi (1835) dân Chăm ở hai nơi đó, đã được bao bọc ruộng đất. Chắc chỉ có thế đối với người Việt định đặt quan cai trị và dạy học dân Chăm (thời 1832) là đứng ở phương diện chính trị — là chủ nên

viết đặt địa phương trước khi đánh thuế. Ở đây ta sẽ xem đến tình hình của người Chăm trước năm 1839. Trước năm 1839, một ít ruộng đất mà gây sự loạn, mà dân họ phải chống cự quá hà khắc vậy.

Kháng chiến ca

(Phỏng theo điệu Tiến quân Ca)

Toàn dân Việt nam ta chung lòng
kháng chiến.
Kháng chiến cùng xâm lăng không
dội trời chung.
Cùng cương quyết hết sức đem thân
hiến.

Quyết cùng nhau đi đến nơi thành
công.
Vì giang san tranh đấu tinh thần.
Gắng hi sinh dạn tá cho quốc dân,
Dù bao nhiêu nguy khốn không
cầm.

Hỡi anh em Trung, cùng Bắc, Nam,
Cùng ngắm gương Đống-đá (1)
Đặng-đăng (2) hay núi Lam (3) !

THI-NHAM

1, 2, 3. — Nguyễn-Quang-Trung đánh lan quân nhà Thanh ở Đống-đá, Trần hưng Đạo phá vỡ quân Mông-cổ ở sông Bạch-đăng, Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam sơn, đánh đuổi quân Minh ở nước, đây là những bậc anh hùng cứu quốc.

(3) đất phương nam — dân Chăm — lên lầu việc kháng chiến — như dân Việt nam lên nhà quan huyện Việt nam vậy. Ai ai cũng có thể đã đem gán cho người Chăm, nói tiếng Việt. Chữ nho và cũng như quần áo Việt-nam : cái chữ quốc-ngữ nhiều người biết,

Kinh Chục Tả

của NGUYỄN THỊ BÍCH

Số 12

Ung-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Pháp-nhân chẳng chịu bảo-phò (1)
Mắng tón người khác, giao cho thành-trì.
Có quan lỏng-đổc Bất-kỳ (2)
Tán là Hữu-Độ, bốn tri (3) vào kinh.
Trách rằng: « Đến nỗi mất thành,
Làm tới như vậy, nghĩ mình phải chừa. (4)
Quyền đang nay hãy tạm cư,
Đề coi sửa việc bao giờ dựng xong. »
Pháp-nhân lập ước hội đồng,
Những điều lần lần hiệp, khó lòng y theo.
Văn-Tường chẳng chịu thuận chiều,
Trái tình Hữu-Độ, mượn điều Bắc qui (5)
Pháp quan khiến chớ tri-nghi.
Đặt ai nên kịp liệu đi chớ chầy.
Văn-Tường triền yết tâu bày,
Gửi rằng: « Xã điển phải rày tạm nghỉ,
Vả nay nhà-nước gian-nguy,
Đều nhờ thánh đức duy-trì chủ-chương
Nổi ngôi, nguyện dời tiên hoàng, (6)
Mời yên sửa dạ, kéo thương tâm tình »,
Phán rằng: « Sử ấy đã đành,
Kiên-giang chĩnh đó một mình mà thôi.
Lớn khôn tỉnh sửa nết lời, (7)
Đặng nên, ấy cũng là trời phước cho.
Nghe nhờ liệt thánh âm phò,
Họa là may lại qui-mô vãng bôn. »
Văn-Tường gửi: « Ý rất nên,
Xin ban g-ckh về truyền Pháp nhân. »
Vài ngày bỗng thấy báo rằng: (8)
Pháp-quan đã bắt Nguyễn-văn sống lâu (9)
Thất-kinh việc ấy bởi đâu?
Văn nghe có phiên gửi tâu về tỉnh.
Rằng: « nay Pháp-quốc thống-binh.

Trách quan phụ-chính lệnh hành chẳng song
Hẹn cho hai tháng giao cùng,
Việc chi việc nấy hết lòng sửa soạn.
Trong ngòi đều thấy cho an (10),
Nay đã quá hạn lại càng phân vân.
Vậy nên cứ phép nghiêm răn,
Đẩy ra hải đảo tội chẳng dung rầy,
Còn như việc nước Nam đây
Có người Hữu-Độ tại hay khá dùng. (11)
Phan-dinh Bình cũng tới trung,
Giao-hui người ấy đồng lòng toan đang.
Bắc-kỳ Trong-Hợp sửa sang,
Quyền thay kinh-lược một phương giữ gìn »
Cải đồ (12) ngõ nước mau yên,
Sám-bổ khâm-sứ xin lên tâu bày.
Sư này mới thấy xưa nay,
Chẳng cho thì sợ biết rày làm sao?
Hãy cho thử việc thế nào?
Minh-khiêm truyên dọn đề vào triều tham.
Y khôn biết phép nước Nam,
Rằng cho thấy mặt mới cam sửa lòng.
Gửi xin tạm cuốn sách rờn,
Yết rồi bỏ xuồng, ngõ cùng hỏi-han.
Lạ làng diện mạo y-quan,
Dạ-soa mẽ dạng kinh-hoàng viết mó.
Tiếng như chim chóc lưu lo,
Nguyễn-Hoàng thông dịch phán-phé mới tường.
Rằng: « Nguyên hai nước ước thang (thương)
Chín vì lợi lợi bảo an (an) lâu dài.
Vì người nghịch thuyết (13) cãi lời,
Vậy nên đến nỗi ương tai rối loạn.
Nhờ nay giám quốc rộng khoan,
Thành-trì đất nước giao hoà lại cho
Nguyễn-văn-Tường vãng mưu lo,

Đề cho đến nỗi cón-dờ nhĩem-nhuong,
 Muốn mau dựng nước vững-vàng,
 Phải toan canh lớp quốc-vương mới đánh.
 Hoàng-trư có đồ sẵn dành,
 Phụ-truyền tử-kế chính danh phận rồi,
 Cầm quyền sửa trị có người,
 Bất thành giao lại giữ coi hộ trị,
 Hàm-nghĩ xa lánh nơi mớ,
 Dẫu về thời cũng phong cho công hầu »
 Mấy lời nghe rõ trước sau,
 Hỏi quan mình: « Ấy Pháp lâu dưng nào ?
 Hai quan đồng tiếng gởi vào,
 Chúng tôi cũng dạ ước ao đêm ngày,
 Quý-quan phần vậy rất hay,
 Nghiệp lành son nối dãi rày mới yêng (yến)
 Trước nhờ thánh-dức chủ trương,
 Sau nhờ thái-khôn mới-giềng sửa sang.
 Bảo-phò lại có quý-quan,

(Xem tiếp trang 16)

1) Thành là bờ tường cao; trị là ao; nhưng chữ trị đi theo chữ thành thì nghĩa là hào ở trong thành. Mạnh-tử có chữ « thành cao, trị thâm » nghĩa là « thành cao, hào sâu » cốt để giữ gìn những dinh-thự trong thành được vững-vàng bền chặt.

2) Câu « Có quan tềng-dốc Bắc-kỳ, tên là Hứa-Độ đón tri vào kinh » bản nôm phê bốn chữ « Đợi như kỳ lai », ý nói đường đợi chạy vào không có ai triện.

3) Tri là đuổi; nghĩa đen là ngựa chạy. Tác giả sở-dĩ đặt hai chữ « đón tri » là có ý chế Hứa-Độ không ai gọi mà tự nhiên chạy vào.

4) Câu « Trách rằng đến nỗi mất thành, làm vói như vậy, nghĩ mình phải chưa ? » bản nôm phê bốn chữ « thùy chi quá rư ? » nghĩa là « Lỗi ai đó ra ? » ý nói Nguyễn-hữu-Độ trách các quan trong triều để kinh-thành thất thủ là có lỗi. Nhưng chính Nguyễn-hữu-Độ lại là người làm cho thành Hà-nội bị thất thủ trong khi cụ Hoàng-Diện là (lỗi). Hứa-Độ vì có « công » ấy nên được người Pháp cử làm quyền tềng-dốc Hà-ninh. Lời phê này thật là nghĩa năm bía miệng.

5) Câu « Trái tình, Hứa-Độ mượn điều Bắc quý », bản nôm phê một câu rằng: « thế hồi sinh xuất vô số việc hay ! » Câu này cũng lại chỉ-trích Nguyễn-hữu-Độ. Chữ « hao su » chính nghĩa là « việc hay ». Nhưng ở câu này lại là những việc

không hay. Xem một việc mình là bậc đại-thần thay mặt cả Bắc-kỳ vào kinh-dó, mà lại dõ bỏ về, thì đã biết cỡ-chỉ trẻ con.

6) Nguyễn dõ tiên-hoàng là xin lấy dõng dõ về trước, ý nói con nói vua tự-dức hiện còn kiến giang-quân-công Ưng-kỳ, năm ấy đã hai mươi ba tuổi (sau là vua Đồng-Khánh).

7) Lời là chỉ xe không chặt, nết lời là nết bỏ gphôi không nhất định, câu « Lớn khôn tinh sủa nết lời » ý nói tinh nết đã sửa dõng dõm.

8) Câu « Vài ngày bỗng thấy báo rằng: Pháp quan đã bắt Nguyễn-Văn xống tằm », bản nôm phê bốn chữ « lộng xảo thành chuyết » nghĩa là « khéo quá hóa vụng », ý nói chính Nguyễn-văn-Tường có ý hòa với tây-trước, mà lại bị Tây bắt và làm tội.

9) Riêng câu « Pháp-quan đã bắt Nguyễn-Văn xống tằm » bản nôm lại phê một câu rằng: « Tự thị ngã-nam nhân chủ sả » nghĩa là « chính có người Nam ta sai ».

10) Câu « Trong ngoài đều thấy cho an, nay đã quá hạn lại càng phân vân », bản nôm phê câu « Dục gia chi tội, hà hoàn vô từ » nghĩa là « muốn thêm tội, lo gì không có » ý nói người Tây dõ tại Nguyễn-văn-Tường quá hạn, nên bắt tội, người cầm đầu phê cho rằng muốn bõ tội, thì nói thế nào mà chẳng được, việc gì phải lìm có quá hạn !

11) Câu « còn như việc nước Nam đây, có người Hứa-Độ tại hay khá dưng... » bản nôm phê rằng: « Ngạn văn tác cụ hừa nhâm thực, tin nhiên ! » nghĩa là « Tự ngạn có câu làm sỗ cho người ăn, thật dưng » vì bốn tên dõ giáng hòa thì Nguyễn-văn-Tường khó nhọc, mà đến lúc được phá giải thì Nguyễn-hữu-Độ được hưởng.

12) Cãi là dõ, dõ là lo toan, nghĩa là mưu tính đường khác.

13) Hai chữ « nghịch thuyết » là lời người Pháp, còn như người Nam ta thì nên tôn trọng ông là một bậc trung-thần đã biết hy-sinh vì nước. Phạm đời nào cũng vậy, họ sau ăn cướp của họ trước, nhưng bề tôi của họ trước không theo, nếu gọi là nghịch-thuyết. Tán Tán ngày xưa cũng có một cảnh-ngộ ấy nên có câu « Chư chi ngọc dân, Thương chi hiền thần » nghĩa là « những dân ngọc ngọc của nhà Chu, tức là hiền thần của nhà Thương », Tôn-thất Thuyết chính là phản nghịch của người Pháp mà là trung-thần của nước Nam, nếu định-lưu bấy giờ, ai ai cũng là « nghịch Thuyết », thì có lẽ nước Nam không mất về tay người Pháp đến sáu mươi năm nay.

Bản góp phiếu công

BỘ - THỨC



NƯỚC VIỆT-NAM điều đồ lợi và lợi. Mấy bài tác là quyền lợi của một kẻ khác dân-chủ công- gia khảo luận tóm lược sau này một đoạn thế nào, kể cả nước hòa hiện này mong bạn đọc một đôi nhà nữa pháp công hay chất trên phương diện ấy. Công dân có quyền tự mình hay là bởi những người cử ra làm đại biểu, nên rõ sự cần dân thức được tự do thỏa đáng, như không phải là việc tùy ý vậy.

1-11-1945 (trang 4) Dân-nhờ Dưới chế độ quân chủ, phát sĩ này được dân cũng thế, nhân dân chỉ thấy những nghĩa vụ như những cái trong cái ách, mà không được quyền lợi được công dân, vì dân có được một quyền lợi nào, thì cũng chẳng được bảo đảm của chính vì những quyền hành đều thuộc về hoàng đế trong một tay.

1-11-1945 (trang 4) Dân-nhờ Toàn quyền làm ăn một nhà như vậy, công dân phải tự dân làm nên sẽ sống ở dưới ách của pháp Việt Nam hiện tại này, quyền lợi này ý nghĩa rằng dân rằng có công hệ đến tôn ti xã hội, nên phải chia.

1-11-1945 (trang 4) Dân-nhờ Để mà lợi hại ở đây, nhà này công dân, nhưng nhà này đã là một phần của nước. Có thể nói rằng công dân có quyền tự do, độc lập, không ai có thể bắt họ làm việc gì mà không được họ tự nguyện, công dân

1-11-1945 (trang 4) Dân-nhờ Công dân có quyền tự mình hay là bởi những người cử ra làm đại biểu, nên rõ sự cần dân thức được tự do thỏa đáng, như không phải là việc tùy ý vậy.

1-11-1945 (trang 4) Dân-nhờ Dưới chế độ quân chủ, phát sĩ này được dân cũng thế, nhân dân chỉ thấy những nghĩa vụ như những cái trong cái ách, mà không được quyền lợi được công dân, vì dân có được một quyền lợi nào, thì cũng chẳng được bảo đảm của chính vì những quyền hành đều thuộc về hoàng đế trong một tay.

1-11-1945 (trang 4) Dân-nhờ Toàn quyền làm ăn một nhà như vậy, công dân phải tự dân làm nên sẽ sống ở dưới ách của pháp Việt Nam hiện tại này, quyền lợi này ý nghĩa rằng dân rằng có công hệ đến tôn ti xã hội, nên phải chia.

1-11-1945 (trang 4) Dân-nhờ Để mà lợi hại ở đây, nhà này công dân, nhưng nhà này đã là một phần của nước. Có thể nói rằng công dân có quyền tự do, độc lập, không ai có thể bắt họ làm việc gì mà không được họ tự nguyện, công dân

ta nên hết sức làm những việc, cứ luật lệ không bó buộc phải làm, để bảo tồn vinh dự quê hương tổ quốc.

2 — Nhân quyền, dân quyền

Quyền nhân dân ở cá nhân, tức là một người, thì là một khối không thể chia tách, vì đều căn cứ ở duy nhất quốc gia, chủ quyền dân chúng những đối với luật pháp, đề tặn việc khảo cứu có thể phân ra làm 2 phần.

a) nhân quyền là những quyền của con người, là bẩm sinh vốn có, như tự do, bình đẳng, lao động, tư tưởng, ngôn luận, tín ngưỡng, sự bãi, v.v.

b) dân quyền là những quyền của công dân, bởi pháp luật đặt ra như bình đẳng đối với luật, tu hội chính trị, đình thuế khóa, kiểm sát các chỉ phí công quỹ, giám sát việc công việc, bảo cử đại biểu, v.v.

Cổ ngữ thì ai có lợi, chẳng ít thì nhiều, thối nát và chất bùn hình hay là về phần nhà thần vô hình. Cho nên lập lúc nói quyền chỉ dùng một tiếng hay một chữ ấy cũng đủ không phải thêm tiếng hay chữ lợi đi theo. Như nãi quyền lợi tự do tín ngưỡng, hình như khó lợi tại vì sự sung bái thường thường chẳng không từ lợi. Nhưng lịch sử dĩ văn đã chứng minh rằng Pháp từ có đời dân chúng đã phải đòi quyền lợi tự do tín ngưỡng ấy.

3 — Luật cai trị, luật cai trị

Hai phần luật ấy chấp nhận là công pháp, nghĩa là tất cả những luật thuộc về sự tổ chức chính

trị và cai trị trong nước.

Hiến pháp là luật chính trị, đại qui cũ rất khó thay đổi để tổ chức những quyền to nhỏ của quốc gia, và những mối liên hệ do luật ấy đặt ra ở giữa nhân quyền và hành động như những liên lạc của chính thể.

Hành chính pháp ấy là luật cai trị, đại qui tác tổ chức các công sở và cai trị những sự liên tiếp ở giữa các tư nhân với các công sở ấy.

Những quyền hành bộ phận to nhỏ trên quốc gia là: a) quyền luật pháp, do các nghị viện dân biểu trong nước công bố ban hành; b) quyền chấp hành, giao một chủ tịch hay là thống đốc, giám quốc, quốc trưởng cũ gọi là bộ trưởng, chiến lược thi hành mà phải trách nhiệm trước nghị viện dân biểu; c) quyền tư pháp, do các tòa án hành vi, theo luật mà xét xử các án hình, tố tụng dân sự, phân chia tài sản quyền lợi, không để một người được kiêm nhiệm năm hay là một trong những quyền tác nên sự chính thể dân chủ; d) cơ quan quyền hành thế thì mới hành đạo những sự liên tiếp, làm quyền, hành hành gây mầm mống loạn.

Hiến pháp không những các nước dân chủ có, trong những chính thể quân chủ thì hay cũng đã lập ra, như nước Anh tại Louis-Rhône.

Công pháp là từ long li, đời sống tự nhiên của sự vật do bản quốc phân chia đối tượng mà đặt ra, khác với vương pháp, là của

nhà vua ban hành, hay là luật nhà thờ giáo, như như thánh phán, hay như pháp, hay luật Bề Trên đề ra. Bởi vậy, trong luật thuộc pháp, có một ý tưởng thần bí. Nhưng trong tổ quyền ngôn nhân quyền dân quyền của Pháp cách mạng năm 1791, hình như cũng vì một chút tin tưởng thượng đế mà đã sản xuất.

Luật cai trị thì theo thời thay đổi, cho hợp thời, cho thiết thực; nhưng không nên vì có ấy mà hấp tấp đặt ra để mà thủ tiêu các một đạo giáo ngàn năm hành.

Tổ chức những cơ quan hành chính ở các địa phương, xã, tổng, huyện hay phủ; những công sở làm việc tư pháp, tài chính, học chính, v.v. ấy đều thuộc về phần luật cai trị, là một đạo lập giữa những công sở, và các tư nhân với các công sở ấy đều theo một qui tắc có chủ định ban hành từ nhân, là nước có tổ chức công lý rộng mà sẽ ra nước cao cả vô vàn từ luật, là pháp luật, nước này được thêm luật mà có như một người con dân có quyền lợi vì độ quyền lợi ở nước ngoài và đời một người từ đây là luật pháp, đời là đời là đời có từ các luật pháp (capacité juridique), từ pháp luật, trước đó là an ninh gọi là đội đồng quân chính (sécurité collective) theo thể độ của lập từ ở các xã, các xã có quyền tự vệ, nhưng phải có tôn giáo, tức là tôn giáo nơi chức nhà kinh lý bị bãi, các pháp (xem tiếp trang 15)



TÀI LIỆU

ĐỀ ĐỊNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỐ

36 90

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỔ

GXXXV. — Kim-Vân-Kiều
(bài nối)

Hồi thứ năm

Thúy-Kiều ngồi khóc mãi, đến lúc trời gần sáng, Thúy Vân thức dậy, hỏi: « Chị dậy từ bao giờ? » Thúy-Kiều đáp: « Từ nửa đêm, chị nằm thấy một cái ác-mộng: xem đời chị tất phải lưu-lạc. Trời sinh cái mệnh của chị, bắt phải như thế, chị cũng không oán giận gì... Chị có làm tám bài thơ, đều bài là *giấc mộng tình*. Khi nào Kim-Trọng về, em đưa cho chàng xem, và nói hộ chị rằng: Đó là *truyện-bất-lúc* chị ra đi ». Thúy Vân hỏi: « Chị thấy thế nào, mà gọi là ác-mộng? » Thúy-Kiều nói: « Nếu thuật lại, chỉ thêm đau lòng, thôi nín đi còn hơn ». Thúy Vân cầm thơ loan xem, thì thấy có tiếng gõ cửa, liền đứng dậy mở, thấy mẹ vào, đến trước mặt Thúy-Kiều bảo rằng: « Nay con ơi! cha bảo sống chết có trời, phải theo số mệnh. Nếu cha không qua khỏi tai nạn, thì cả nhà cùng chết, chứ không nở đẻ một mí là con phước-lưu mà cả nhà sung sướng ». Thúy-Kiều gạt nước mắt, nói rằng: « Cha con nói

như thế, thật là lời một bậc từ phụ. Nhưng mắt con, trông thấy cha mắc tai nạn, thì dù con có gặt mình con mà khỏi được tai-họa, con cũng không tiếc; huống chi bản mệnh, cũng chưa đến nỗi chết kia mà! Con thiết tưởng nếu con không bỏ cái thân của con, thì cha con và em con thế tất chết ở chỗ lao-tử. Đến lúc ấy vợ góa con côi, không ai thân thích, không lấy gì nuôi sống - sợ chẳng lưu-lạc làm *tự-thiếp* người ta ư? Đến đến lúc nhà tan người mất, mới làm *tự-thiếp*, chỉ bằng ngày nay bỏ mình để cứu cha! Trời không phụ, thì tự khác sa vào chỗ tử-võ mà được yên thân, cũng chưa biết chừng. Xin cha mẹ bớt tất lo nghĩ đến thân phận con ». Người mẹ khóc to, nói rằng: « Con ơi! Ai sinh ra con? Ai nuôi con lớn bằng ngần này? Sao nỡ đem bán làm *tự-thiếp* người ta? Con chưa hiểu cái cảnh ngộ làm *tự-thiếp* khổ gì biết là chừng nào! Như bây giờ bản thân con, thì được sung-sướng. Khi về nhà bản, trông thấy vợ cả, cảnh-ngộ đã không vui, người chồng có yêu con đến mười phần,

bị chúng nói ra nói vào cũng găm mãi tâm, chín phần; huống chi chưa hề được người ta có thương con đến trời đất không? Lúc bấy giờ đánh chửi tự bản, sống chết tự bản, cái thân con sợ không chịu nổi những sự khổ sở ấy. Từ thuở nhỏ con được cha mẹ chiều chuộng, tình thì hễ họa may, đến khi về nhà người ta làm *tự-thiếp*, thì phải tức khuya dậy sớm, làm ăn khổ nhọc... Giả này nghĩ đến chỗ đó, thật là đau đớn gặt người ». Nói rồi, lăn xuống đất khóc Thúy-Kiều vội vàng đến trước ôm lấy đầu gối: « Mẹ ơi, tỉnh dậy! Mẹ ơi, tỉnh dậy! con chẳng qua mới là bản mệnh, chưa đến nỗi chết, thế mà sao mẹ đau đớn đến ngất đi bất-linh, chẳng hoá ra con giết mẹ ư? Cha con và các em con là người ở đâu? Mẹ nên giữ gìn thân mệnh cho chu thân, để được thấy mặt cha con và các em con. May ra được hoàn toàn, thì cái thân con này chết ở tha-hương khách-dạ cũng cam-tâm. Nếu mẹ cứ buồn rầu như thế này, thì không biết chết hay sống. Con dù chết, cũng không nhắm mắt ». Thúy-Kiều vừa khóc vừa nói, tay

miệng mẹ và lau mặt. Vương-bà dần dần tỉnh lại, nói rằng: « Con ơi! ta nghĩ nếu con không đi, thì cha con không sống được. Nếu cha con sống, thì con tất phải đi. Một đảng chết thành ra vĩnh biệt, một đảng sống mà phải xa nhau: hai đảng đều đau khổ như nhau, ta thật không nở trông thấy quang-cảnh ấy. Chỉ bằng ta chết trước, chứ con mất ta thật không nở trông ». Nói rồi, đâm đầu vào cột, định tự tử. Thúy-Kiều-Thúy - Vân vội vàng ôm lấy mẹ, nói rằng: « Nếu mẹ chết thì lại thêm ra một chuyện nữa ». Ba mẹ con kề lè lình thương, rồi ôm nhau khóc to, khóc đến nỗi không ai khuyên giải nổi...

Chợt nghe ngoài cửa có tiếng người. Thúy-Kiều nói: « Xin mẹ hãy nín đi, cha con đã về kia ». Cả ba mẹ con đều nín bặt, mở cửa, quả nhiên thấy cha, em và Chung - công cùng mọi người khách họ Mã, đi vào. Vương viên ngoại trông thấy Thúy-Kiều, động lòng khóc nước - nỡ, Thúy-Kiều thưa rằng: « Xin cha hãy nín đi, để bàn định xong việc đã, bây giờ cha sẽ khóc cũng không muộn gì ». Cả nhà đều im lặng, Vương viên ngoại mới nói, Thúy - Kiêu nói với Chung - công rằng: « Như bây giờ tôi có tiền, xin hỏi ông làm thế nào cho cha tôi và em tôi qua khỏi một cách thanh - thoát. Giao cho tôi một tờ làm chứng-cớ, tôi sẽ giao tiền cho ông, xong rồi tôi sẽ đi theo người đã đưa tiền để cứu cha tôi và em tôi. Như thế là số bạc này,

quan-ty không có xui giay mana lạ-h thì việc gì phải bắt tôi đến chỗ quan-ty cho thêm khổ thêm xấu. » Chung - công nói: « Tôi ở chỗ nha-môn đã già đời: việc gì tôi giúp được người ta, tôi mới ăn, nếu không giúp được thì không ăn bao giờ, nên quan trên biết tôi là người trung - hậu mà tôi dùng, bực bực biết tôi là người thật - thà thẳng - thắn mà nhờ cậy. Nay cô vì lệnh-tôn phải bán mình, thì cái đồng tiền ấy nghĩa-lý thế nào, tôi đã biết lắm. Ba trăm lạng bạc ấy, cứ gửi ở nhà tôi, rồi cũng lệnh-tôn và lệnh độ đến yết - kiến quan bản bại trước, xin tờ bằng-chứng, để đổi với nhà cô. Từ nay về sau không can - thiệp gì nữa. Rồi sau mới đem số bạc đưa đi. Còn đối với người khách họ Mã, tôi sẽ nói rõ ràng để người ta biết rằng: Ông cứ giao số bạc cho bản, công việc nhà họ Vương tôi đảm nhận hết. Trong nha-môn có điều tiếng gì, tôi sẽ xin các ông ấy ngó đi được hết, ông nên bảo những người danh-sắc trong làng ông làm một tờ trình lên quan, quan trên sẽ có ấn-lưu, nhận cho nhà ông không can gì. Rằng tôi lại viết một tờ chứng - thư bảo toàn việc của lệnh - tôn về sau không xảy-ra sự gì cả. Có còn sợ gì nữa? » Thúy - Kiêu thưa rằng: « Nếu làm được ăn - thỏa như thế, thì tôi không lo ngại gì nữa ».

Chung - công ngảnh về phía người khách họ Mã nói rằng: « Ông cứ đưa số bạc cho kỳ tôi, đợi tôi thu-xếp xong công - việc của

nhà họ Vương, tôi sẽ bảo cô con gái lớn của viên - ngoại phải đi theo ông ». Người khách họ Mã xem chừng ngần ngại, Chung - công nói: « Không hề gì, Vương viên - ngoại là người trung hậu, mà tôi lại đảm-nhận việc ấy. Nếu có ai nói gì thì cứ tôi. Tôi sẽ viết một tờ nhận - lĩnh đưa ông ». Người khách họ Mã nói: « Nếu được như thế, tôi xin giao tiền ngay ». Chung - công bèn cầm bút viết một tờ *Ấn lưu quân vận thư* nói: « Tôi là Chung - Sự làm tờ quân - nhận như sau này: Nay có hiếu-nữ là Vương - Thúy - Kiêu vì cha bán mình làm tiều-thiếp người họ Mã, định tiền sinh-lĩ bốn trăm năm mươi lạng bạc, tôi nhận số bạc ấy, hẹn trong ba ngày thu xếp xong việc ở quan - nha. Vì sợ lòng người khó tìm, nên viết tờ quân - nhận này làm bằng » ngày 15 tháng tư năm 11 hiệp Gia - lịch 1532. » Dưới (tờ có) mọi người họ Mã làm chứng. Chung - công viết xong, đưa cho người khách họ Mã, họ Mã xem xong, cất đi, rồi nói rằng: « Đã có ông đảm-đương, tôi xin vâng lời. Nhưng nên viết luận tờ hôn - thư, để tôi giao số bạc cho tiện ». Chung công ngảnh về phía viên-ngoại nói rằng: « Việc này ông không nên đề cập, vậy thì viết hôn-thư đi, để lấy tiền trang-xếp cho xong việc ». Viên-ngoại nghe nói, òa lên khóc nước khóc nỡ, nói không ra lời. Vương-bà và Vương - Quan, Thúy - Vân cũng khóc nổi, thế là cả nhà chàng khóc. Thúy - Kiêu trông thấy quang cảnh ấy, cũng không khỏi rỏ nước mắt, nói với Chung-công

rằng: «Thưa ông cha tôi, tôi nào viết văn-khế bán tôi, ý-người ấy là tự tôi, tôi tôi có thể tự làm hôn-hu được». Chung - ông bảo rằng: «Cổ nói có lý». Thủy - Kiều bên mãi mựa trái gậy, làm đủ sắp viết, nghĩ đến Kim - Trọng nước mắt nhè mựa, lại sợ cha mẹ đau đớn, đánh gậy nước mắt viết hôn-thư như sau này: «Tôi là Vương-Thủy Kiều vì cha bị bắt vào vòng lụy-tết không cứu được, tình nguyện gả làm tiểu thiếp họ Mã định sinh lễ là bốn trăm năm mươi lạng, cùng ngày hôm nay đã phân đủ, khi đã về nhà chồng hoặc ở hoặc đi, xin theo người chồng quyết định. Sau không có bằng-cớ, nên viết hôn-thư này. Ngày rằm tháng 4 năm 11 hiệu Gia-thình. Viết hôn-thư là người con gái tên Vương-Thủy - Kiều. Nội viết sẵn cả tên người người con mặt ở đây là Chung-Sư, mẹ mỗi họ Hàm. Cha là Vương-tử - Trinh, mẹ là họ Hà, em là Vương - Quan.

Thủy Kiều viết xong, ký tên rồi, đưa cho mẹ mỗi, mẹ mỗi ký rồi đưa cho Chung-công. Chung - ông ký xong, đưa cho viên - ngoại, rồi nói rằng: «Nay ông ký mấy chữ để lấy tiền». Viên - ngoại khác nói rằng: «Ông ở đây là cha tôi không thể ép con tôi, tìm chỗ cứng đờ phải trả, mà tác - thành cho chúng nó nay lại có nó bần mình, thì trong lòng sao yên? Tôi khôn nề ký vào giấy này». Thủy Kiều nói rằng: «Cha mẹ ký vào hôn-thư này, con cháu không sinh con mà thôi? Viên ngoại viết câu nói ấy, như dầu đổ vào dầu, như đao cắt ruột, chạy lại trước Thủy-

Kiều nói rằng: «Cái thân khôn khổ này, sinh ra con bầy ngẩn ấy nào cho con bầy ngẩn này, đến bây giờ con đã lỡ chồng, cha lại không tìm được chỗ xứng đáng để gây dựng lại gia-dinh hạnh-phúc cho con! Để con phải bần mình của lấy tính - mệnh cho cha, cái mệnh khôn khổ này được ích gì? dùng làm gì?». Nói xong đâm đầu vào tường, may lúc ấy Chung công ở cạnh, ngăn ngay được. Thủy Kiều vội vàng đứng dậy ôm lấy cha, nói rằng: «Cha là chủ trong nhà, cha cha lại đoán kén như thế? Nếu cha chết thì mẹ con làm thế nào? Em út con làm thế nào? Em gái con làm thế nào? Không lẽ để thân con lưu-lạc sống chết chốn tẩu-huống, ngay như ba người ấy cũng bị phân lụy. Xin cha nghĩ lại cho kỹ: thân thể cha quan-hệ lớn lắm sao nó tự-kại như thế? Nay tuy mất rạn, nhưng rồi ra hoặc sau em con đi học, há không có lấy tiền tuấn? Bây giờ cha-môn-huống - nhà, cả phủ - quí-tả - vinh - hoa. Nếu quả thực là thế nhà không quên cho tôi cho một con đi đi tìm con, há thiếu con rồi? Tôi cũng các em con cùng hợp mặt. Tức là cái ăn cái - tạo của cha tôi. Nếu ngày nay cha chết đi, thì chẳng được ích gì, mà thêm hại». Viên ngoại bảo rằng: «Lời con nói tuy là phải, nhưng cha không thể bỏ con được». Thủy Kiều thưa rằng: «Sự đã đến như thế, không còn cách gì khác nữa để giải nguy. Cha là một bậc đại trượng - phu, nên vứt cái lòng thương nhỏ mọn, để thành

việc lớn việc gì còn bắt chước cái thói của nòi - nữ; mà làm mất cả chí-khí an - bụng! Con đã làm nổi người con gái «sát thân thành nhão» (bỏ thân mình để nên việc có nghĩa-lý), cha há lại không làm nổi người trượng-phu «mình trời, báo thân» (sống suốt giữ mình) hay sao? Cô-nhân có câu: «đường tử-phòng-lão» (tuổi con để phòng tuổi già). Lại có câu: «gia-bần-kiến-tiểu-tử» (nhà nghèo mới thấy con có hiếu). Nay chính là lúc ấy, nên phải làm một việc bất-bủ để đời sau xem. Tuy gọi là bất - nhẫn mà thật là đại-lạnh. Huống chi số con nguyên là ba-mệnh, không bần-tận thì chết non. Giả như con bị bệnh chết rồi, thì đã có lòng hiếu cũng chẳng ai biết đâu mà thương xót. Nay chẳng may gặp tai họa này, cha bị mắc nạn, lại tác thành cho con là hiếu-nữ, cái tiếng thơm còn để lại, há chẳng phải là việc rất tốt đó ru? Con đã chịu cam-lòng bỏ nhà ra đi, thì cha cũng nên bớt cái lòng buồn rầu đau đớn. Thì rồi không đợi nữa đâu, không nên chậm-trễ. Cha nên ký cho mấy chữ đại-Mã-sinh đến giao số bạc, thế là xong việc». Cả nhà đều khen viên ngoại rằng: «Cổ-nương nói có lý lắm. Làm thân con gái mà đi ra khỏi nhà, chính là lúc đi lấy chồng; huống chi từ đây tới Lâm-trì cũng không xa mấy. Nay mới xong việc, ông đến thăm con, có gì đâu. Cổ-nhân Chấn-quân ra khỏi cửa đi vào nhà bần-tận đau đớn, để phụ tấm lòng hiếu của cô-nương».

(Xem tiếp trang 17)

BÀN GÓP PHEP CÔNG

(tiếp theo trang 11)

thì mới được tư đơn kiện. Như vậy, nếu nhà nước bảo hộ chiếm quyền của một xã nào. Một cách bất công, cũng chẳng khi nào bị đòi gọi lên tòa kia. Bởi vậy, chính phủ thực dân được lòng quyền, bằng cách lợi dụng quyền Nam Triều cũ.

Luật xưa bên Á Đông và bên ta không nghĩ đến việc có thể phát hiện là một người tư kiện nhà nước, hay là chính phủ làm thiệt hại một môn gì, có chuẩn dịch bằng chứng tố tụng. Nhà

Vả lại Mã-sinh đã nói vợ cả không con. Nếu cô-cương về nhà họ Mã mà sinh được một con trai, thì cả nhà không ai dám khinh là tiền-thiếp, không ai đùng chông chích nê, cả chính họ cũng phải yêu vì. Nếu mà số không hay, giả làm vợ cả một người, rồi mãi mãi không con, rồi sinh ra buồn bực, gia tài hoang phí, chẳng phải sâu khổ suốt đời ư? Như thế, là có số mệnh tốt hay xấu, chứ không kể gì vợ cả hay vợ lẽ. Chúng tôi lại nghĩ: Mã-sinh đem số nên đi tìm tiền-thiếp, cốt cầu con trai, mà cô có lòng hiếu như thế, tại trời cũng báo ứng cho cô có con trai, về sau chắc là sung sướng. Vương ông không nên lo xa gì nữa, mau mau tỵ vào cho xong việc. Viên ngoại cúi đầu, không nói được câu gì nữa. Chưa biết có chịu ký hay không, xem hồi sau sẽ rõ. (Lược dịch quyển Kim Vân Kiếu của Thanh Tâm Tài Nhân số 4953, từ 48 a - 55 b).

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ.

nhỏ đã quen tư tưởng, theo lối chính trị của không giáo thì lấy làm ngạc nhiên thấy một kẻ công dân di kiện chính phủ. Sự này tưởng chẳng quái gở, nếu người ta đã mở rộng nghĩa câu dân vì qui đến cỡ này, thế công làm qui vậy. Một kẻ làm sự bất công, đâu rằng quốc gia hay là chính phủ nào mặc lòng, cũng có thể đem lên tòa án xét nghĩ bởi vì tương. Luật quốc tế hiện thời bình như cũng chẳng qua được cái nhẽ đó.

Nhưng từ chỗ lý thuyết đến chỗ thực hành, đường đi rất dài vậy.

4. Hiến pháp Việt-nam tương lai.

Để mà đặt hiến pháp Việt-nam tương lai, nhà lập pháp hiện nay, đã nghĩ đến sự cần thiết của những hiến pháp đủ sẵn có trong các nước Đông-miền, dân chủ chính thể như Mỹ, Nga, Hoa, mà nhất là Mỹ vì xưa cũng ở trong một tình cảnh phải kháng chiến như nước Nam đương thời, là thuộc địa đòi quyền độc lập. Và khảo luận luật học không thể vì thế mà không nhìn đến chính thể dân chủ cộng hòa của Pháp. Chính thể này, cứ như lý luận ngôn ngôn quyền dân quyền dân rằng cả lâu năm đã trải qua hai hồi đại chiến tranh mà vẫn còn khốn khổ, tương chưa chế độ hoàn hảo, đến nỗi không thể chế được. Quả thế vậy, xã hội chính trị người Pháp có nhiều sự thối nát, ngấm ngấm, nhiều chỗ quyết liệt, nhà lập pháp không thể đem rõ được trong lúc thực hành, mà chỉ chấp hành thì cố ý che đậy để lo công lao của chính phủ đối với quốc dân. Vì thế, ta thường thấy những việc "chặt" là những phản chính trị thức thời trong quốc dân, tuy đều biết là vô nhân đạo, trái công lý, mà vẫn được chính phủ bênh

vực không thôi, cứ chuẩn y như bị bưng mả, chính sách thực dân cho lợi riêng, đem một tài phiệt là một trang những việc kia.

5. Việt-Nam dân chủ cộng hòa hiện thời với La-Mã dân chủ cộng hòa đời cũ.

Lịch sử sau này hẳn rồi được so sánh với nước Việt Nam hiện thời với La-Mã đời cũ, dân tộc ta đã quyết chí no, bình thể dân chủ cộng hòa như La mã ấy, duy không muốn xâm lăng các dân tộc khác để mong tư lợi; chỉ nghĩ đến việc quốc phòng, sự phát huy dân sinh là những mục đích tối cao vậy.

Đạo cổ La Mã đã lập thành một chính thể dân chủ rất hợp với chính lí, đã sản xuất những đạo luật làm tiền mẫu cho các nhà lập pháp nước cộng hòa Âu Mỹ hiện thời.

Bản luật gọi là mười hai bản của dân La mã xưa một câu nói rằng: Điều gì mà dân chịu q sẽ đã định ra sau cùng ấy là luật đấy. Câu ấy do tiếng Pháp dịch: Ce que le peuple aura ordonné en dernier lieu sera la loi.

Lịch sử dân nước La mã (từ năm 509 đến 300 trước Thiên Chúa Giáng sinh) cho ta biết rằng dân nước ấy đã có hai phe không sung tốt nhau là phe trưởng giả phú hộ và phe binh dân. Phe binh dân phải gánh vác việc nước, như chiến đấu các nơi, mà được quyền lợi rất ít, đến nỗi khi đã chiến đấu phải mất mình làm nô lệ. Phe binh dân này không được làm những chức lập pháp, không được giữ chức nhà nước với người trong phe trưởng giả. Vì vậy, có nên phe binh dân đã nhiều lần nổi dậy mà đòi những quyền tự do bình đẳng. Rất cực sau La mã chỉ có một hạng công dân mà thôi vậy.

BỘ-THỨC

HẠNH THỰC CA

(Tiếp theo trang 8)

Ất là binh-trì phục hoàn như xưa » (14)

Thoáng nghe mọi nỗi bày thưa,

Phán rằng: « Đáng vậy cũng nhờ các người

Nay ta đều thấy y lời.

Đó-thành khá kịp giao lai chớ chầy,

Kiên giang công rước về đây,

Xung-khiêm tạm chớ ngại hồi đó.

Làm sao cướp giật lại cho (15)

Vì dân mến chúa phải lo phục người.

Nền nhân cội đức là n bởi,

Dù mà muốn kiếp nào trời khắt cho.

Uóm lòng Pháp-quốc họ phò,

Trước về ngõ dựng thềm dò dưng bao ».

Quan mình tề tập hội châu,

Kinh-thành bên khiêu bàn-giao lúc kỳ.

Tón-thần có dạ kinh vi,

Xem tình chẳng chút man khi lộ mưu,

Sai quan các việc rõ lâu.

Xin hầu là giá khá mau ngự hồi. »

Trong khi (5-7 1885) Tôn-thất-Thuyết đem vua Hàm-nghị ra Quảng-trị, và thân các nơi nổi lên, khởi nghĩa đề khôi phục giang sơn; Cổ nhiên người Pháp không chịu bảo-phò; họ nói rằng: « Phải tôn người khác làm vua, thì mới giao trả thành trì ». Lúc ấy có quan tổng-dõ ở Bắc-kỳ là Nguyễn hữu Độ vào kinh, trách các quan trong kinh rằng: « Đồ kinh thành thất-thủ, làm bề tôi mà như thế, nghĩ đã phải chưa? Các quan có quyền đảm-dang công việc, thế mà sắp đặt xem bao giờ xong ». Người Tây hội-dồng lập giao-ước, có những điều lấn-hiếp không ai chịu nổi. Nguyễn-văn-Tường cũng không chịu chiều lòng người Tây, thành ra trái ý Nguyễn-hữu-Độ. Độ mượn cớ về Bắc. Người Pháp thì gục lên ai làm vua thì nên chơng-chống đề liệu việc khác. Nguyễn-văn-Tường vào châu rồi tâu với thái-hậu rằng: « Xứ lúc biến thì phải tòng quyền mà tùy nghi. Nhà nước đang gặp lúc gian nguy, đêm nướ thánh đức duy trì chủ trương nếu bàn đến việc nối ngôi, xin cứ theo dòng-dõi tiên-dổ, thì mới yên tâm mà không tổn hại ». Thái-hậu phán rằng: « Việc ấy đã đành, hoàng-tử chỉ còn một mình Kiên-giang-công, nay đã lớn khôn, tính nết đã sửa đổi nên được lên cũng là trời phò cho, và nhờ liệi thánh âm-phò, may ra lại được

qui-mô vững-bền ». Nguyễn-văn-Tường tâu rằng: « Rất phải, xin ngài ban ý-chỉ để truyền cho người Pháp biết ». Được vài ngày bỗng có tin báo « Người Pháp đã bắt Nguyễn-văn-Tường xuống tàu rồi ». Thuyết nghe ai cũng thất kinh rụng rời, không biết duyên cớ bởi đâu? Thì vừa có phiên của người Pháp tâu rõ sự-tình rằng: « Chức thống-binh của nước Pháp, trách quan phụ-chính lệnh hành không xong, hẹn cho hai tháng phải bàn giao, việc gì việc ấy phải hết lòng sửa toan, trong ngoài đều phải yên ổn. Nay đã quá hạn mà việc lại càng rối. Vậy nên cứ phép mà nghiêm trị, tội ấy phải đẩy ra hải-đảo, chứ không dung-thứ được. Còn như việc nước Nam đây thì đã có Nguyễn-hữu-Độ là người tài-cán dùng được, và Phan-dinh-Bình là người trung-thần, giao hai người ấy phải đồng tâm hiệp lực đề đảm-dang việc nước. Ở ngoài Bắc-kỳ thì giao cho Nguyễn-trọng-Hợp, quyền chức kinh-lược để giữ gìn một phương ». Muốn mưu toan cải cách cho nước được mau yếu, khâm-sứ Pháp là Sâm-bô (De Champeaux) xin vào triều yết. Việc này mới thật là việc lạ lùng xưa nay! Chẳng cho thì sợ, biết làm sao bây giờ. đành phải ý cho, thử xem công-việc thế nào. Truyền dọn một nơi ở Khâm-cung để cho khâm-sứ sang chầu. Khâm-sứ Sâm-bô cũng biết phép nước Nam (Thái-hậu cầm quyền thay vua, gọi là « thủy liêm » nghĩa là khi coi chầu thường buông rèm, tức màn-mành, tiếng Trung-kỳ gọi là sáo, không cho dinh-thần thấy mặt). Nhưng Sâm-bô lại xin được trông thấy mặt mới cam tâm, hẳn tâu rằng: « Xin hãy tạm cuốn bức sáo vẽ rồng, làm lễ triều yết xong thì lại bỏ xuống, rồi sẽ hỏi han công việc ». Ngờ đâu khi thái-hậu trông thấy Sâm-bô, nào diện mạo, nào y-quan, thật là lạ-lùng, chẳng khác gì quỷ dạ-xoa, (toài quỷ hiện hình rất xấu-xí) làm gì mà chẳng kinh-hoàng; đến tiếng nói thì lưu-lo lưu-lường như tiếng chim chóc. Có Nguyễn-Heảng thông-ngôn dịch ra tiếng ta mới rõ. Đại-ý khâm-sứ tâu rằng: « Nguyên hai nước thương-thuyết, lập ra điều ước, cốt vì ích lợi lâu dài. Tại Tôn-thất-Thuyết trái lời, cho nên mới xảy ra những việc tai họa, nhưng nhờ giám-quốc có lượng khoan hồng, giao trả lại cả thành-trị đất nước. Nguyễn-văn-Tường vọng tính, để cho đến nỗi

(xem tiếp trang 20)

KỊCH DÀI BANG THƠ

Yêu - Ly

(hay là « Yên-Ly nương sắc gió »)

LƯU-QUA G-THUYỀN

Số 8

Yêu Ly

Tàu Ngô chúa, đã dành mưa sấm sập,
 Nhưng nói trước trời không khiến gặp;
 Bại hay thành còn đợi rủi hay may.
 Mưu trong tâm xin chúa miễn tâm bày;
 Chưa thấy việc dăm dẫu lương khó dễ
 Nhưng đã dứt tay xin làm nhục-kổ,
 Nơi sức hèn vương có thể an-tâm.

Ngô-h-Lư

Yêu Khanh ơi, Khanh nghe vội nên nhẽm.
 Lời nợ hồi mưa kia là có ý,
 Muốn nghe rõ khi trù xong Khánh-kỵ
 Khanh-lam sao yên ổn được thân Khanh
 Quân-Sư

Đáng lo hơn cơ-sự bại hay thành
 Là sinh-mệnh Yên Công nghĩa lương quý.

Yêu Ly

Lòng chu đáo nên quân-sư quá nghĩ
 Lo làm chi... miễn Khánh-kỵ trù xong,
 Thân Yêu Ly đã thác cũng cam lòng.
 Thời đã xẽ, chưa hồi triều kẻ muộn.

Ngô-h-Lư

Yêu Khanh ơi, lòng Ngô đây những muốn
 Khóc to lên cho động thấu hoàng-thiên
 Yêu Khanh ơi, với trời đất xin nguyện
 Ơn nghĩa trường suốt đời Ngô tạo ư

Yêu Ly

Thời kinh chưa chào Quân sư

(thời lẽ rồi ra cửa)

Ngô-h-Lư

(Bước t eo cầm tay Yêu Ly)
 Sầu ly biệt nao nao không dứt tả
 Yêu Khanh ơi!

Nếu nước xa khơi mòn dặm cả.

Trên kiếp canh tr ền mộng t ỷ nhau.

Yêu Ly (gõ tay)

Ra đi tay nguyện làm tau đá
 Tay nếu không về họ kiếp sau

(bước thêm ra cửa)

Ngô-h-Lư

Còn đây chốc nữa xa bao dặm;
 Mưa gió t ần ngời lạnh x ốt b ơ

Yêu Ly

Ra đi thân nguyện b ền sự ng tuyế;
 Thân nếu khô g về hẹn kiếp sau.

vái chào nhau lần cuối)

Màn hạ

Cảnh hai

Hồi hai

(Mở màn. Phòng nghị sự trong tư dinh Khánh-kỵ. Đêm khuya, bên ngoài vắng t ếng trống cầm canh. Khánh-kỵ ngồi trước án, bên trái có tham mưu, trước mặt d ề bình thư và kiếm. Ngọn nến to cháy sáng phía bên phải.)

Lớp I

Khánh-kỵ — Tham mưu — rồi quân

Khánh-kỵ

Như Kỵ mới cũng tham-mưu xét rõ

Mặt thư quán do thám gọi về đây:
 Bình Hạp Lư chênh mảng đã lâu ngày,
 Phần đánh bại quân Ngô ta nắm chắc.
 Tham mưu đã trong bao lâu đề đặt,
 dịp tốt này chờ đề gió đưa xiêu,
 Tuy bên Ngô, đất rộng sản quân nhiều,
 Nhưng ô-hợp, lại lờn ỉn thiếu thốn,
 Đồn lũy lâu năm, thấp phần suy khốn,
 Muốn sự thành công dịp tốt nào hơn?

Tham mưu

Sức Ngô gia công-tử thối rở rường.
 Còn binh lực của nhà tôi trộm nghĩ.
 Tuy đông-mãnh nhưng chưa toàn như ý.
 Vừa hôm qua tôi mới được binh xong.
 Kề tinh binh mới được hai muôn rông
 Gồm kỵ-trã, đao quân và xạ tiều.
 Về mặt thủy có năm trăm thuyền chiến,
 Quân theo nghề nhong thiếu tướng chỉ huy.
 Tuy binh Ngô chênh mảng có phần suy
 Nhưng Khánh-lực chưa đủ làm xiêu nói

Khánh Ky

Suốt đêm qua, Ky chong đèn trướng nội.
 Xem rền rần, buồn rĩ chảy tâm tư
 Hạp Lư kia một ngày chưa xong trừ
 Đồn Khánh Ky mãi còn dư khởi động:
 Giết thân-phụ thù đây gan lửa nóng,
 Nghệp bá chủ-tầu, vơ hết trong tay!
 Ta, con vua, một rỗi tuế xưng đây.
 Cho miệng thế họ truyền nhau rõ rúng.
 Vầng nhật nguyệt như trách thềm vũ-dũng
 Đứng trên đời vai cẳng tở cho vai.
 Ôi báo ân giết báo đã siêng mai;
 Trời chưa trả, ngôi vua chưa lấy lại.
 Đành Khánh-Ky chưa vang lộng tá hải.
 Tham mưu theo ta, tân-khổ mấy năm trường.
 Người biết người mà thời thế chưa nương
 Lòng nghĩ lại như dầm trong mặt đảng.

Tham-mưu

Ồ! công-tử ban chỉ lời quá nặng!
 Chuyện cơ đồ một lúc dễ mà xong?
 Miễn chuyên-lệ ta dồn sức nung lòng,
 Ai tôi chưa sẽ thấy ngày hoan-lạc.
 (Tiếng trống canh đêm nhịp)

Rèn quân-sự xin cho đời bữa khác.
 Trống-rang thành, giờ đã gác canh ba.
 (Đứng dậy nhong ngồi ngay xuống
 vì có quân vào quý)

Khánh-Ky

Có việc chi quan trọng giữa đêm tà?

Quân

Trình Khánh chủ cò người xa lạ tới,
 Hình dáng khả nghi thẳng vào dinh trại,
 Ý xem thường nên ngoài ấy quân canh.
 Đất giã ngay, người kẻ lẽ sự tình.
 Có một sự muốn dâng trình chủ tướng.
 Xin ngay giữa đêm khuya vào dưới trướng,
 Quyết kháng-kháng không đợi đến ngày mai.

Khánh Ky

Họ tên chi?

Quân

Người không nói, chỉ van cầu.
 Rất tha thiết xin vào ngay trướng-phủ,
 Kêu mạn phép bẩm trình ngay Khánh chủ,
Khánh Ky.

Cho người vào, nhưng giáp sĩ mười tên.
 Tay cầm đao phải túc trực dưới thềm,
 Phòng ngộ biến sẽ ào lên tại trướng.

Quân

Quân thưa sẵn xin tuân lời chủ tướng,
 (Quân lại ra)

Khánh-Ky

Ài mà vào lạc hướng giữa đêm khuya?

Tham-mưu

Chưa đoán ai, tôi chỉ đề tâm ngộ,
 Rằng kẻ lạ sẽ bày mưu lập kế.
 Con quốc gia, chuyện muốn phần có thể.

LỚP II

Khánh-Ky — Tham-mưu — Yêu-Ly

Khánh-Ky (thấy Yêu Ly vào)

Này gã, họ tên chi?

Trước quân ta khuya khoắt đến làm gì?

Người khá nói kẻo đầu kia sẽ đứt,

Yêu-Ly (quỳ)

Trình Khánh-chủ trái muốn vãn khê cực,

Tôi phận hèn từ viễn quốc sang đây

Tai nghe danh Khánh chủ đã lâu ngày.

Nên tìm đến đề mong ngài dung nạp,

Ơn tri ngộ sẽ hèn gan báo đáp,

Khánh-Ky

Nói hay chưa? Người gốc tích nơi đâu?

(nội nhỏ với Tham mưu)

Đáng tiên-sơ chửa mưa nắng dãi dầy

Tham-mưu (thấp giọng)

Mà xem kỹ hai tay còn có một

Khánh-Ky (to)

Này kẻ lạ! Sự tình người hãy thốt

Nay không rành, đầu chớ oán gươm ta

Yêu Ly

Trình Khánh công, đất Ngô vốn quê nhà,

Tôi hàn sĩ, Yêu Ly là danh tách;

Thời bình lửa đỏ-thôn hàn tạm lánh,

Nhưng, dưới mái lều từng trộm đọc thi văn kinh

Suy lẽ trời rồi ngẫm việc đạo binh,

Đương xâu xé cả muôn nghìn lễ-thức.

Tâm-trí mọn đã nhiều phen tỉnh thức

Ngày nào xa đem một mối giang-san

Đang trong tay, một mảnh chén thân gồm

At sông núi đỏ cầu xương máu đổ

Nhưng đơn độc chưa tìm ra được chén,

Chim phân vân tìm mãi chưa ra cánh,

Lòng tôi càng lữ lữ mái lều tranh,

Càng ngày tháng tiêu-dao dần với sách,

Ngô hạp-Lư cậy an-quyền hống hách

Sai đến đời, tôi chẳng bằng quy theo,

Tuy biết dư tình thế rất hiểm nghèo

Khi từ-chối Hạp-Lư tàn bạo Ky.

Lòng ngại vậy, sự định đưa đến vậy

Quán tới nhà vậy giết vợ con tôi.

Hai thê-nhi chưa đủ thỏa tâm người,

Còn chặt cánh tay tôi. Quán cường đạo!

Liê xé ra đi, thù to quyết báo.

Sang đây đến Khánh chủ, nỡ ơn dung,

Xin kết-cam sẽ trả một phôi lòng,

Thờ ắt thật kẻ thù chung rửa hận

Khánh-Ky

Ba tấc lưỡi chỉ làm sôi máu giận.

Này Yêu Ly người chớ khà khua môi

Sang tới đây kẻ quỷ tướng cao rồi

Tai Khánh-Ky phải nào tai trở nhỏ

Quang trí thấp tướng mưu thần khó lộ.

Muốn rá hàng người lọt đến dinh ta,

Có lối vào nhưng không có lối ra

(Châm gươm)

Gươm sẵn có, không cần đạo phủ thả

Tham mưu (ngán Khánh-Ky)

Kheo Yêu Ly người có胆

Đáng có rành đề tôi chừa ta tin

Vả chẳng hèn Ngô oán hận vang rền

Xa mấy quận, cảm hờn lên vút trượng.

Yêu Ly quả thành tâm, ngu ý tướng

Chuyện này người đo thẩm báo không sai.

Khánh-Ky

Ta biết rồi, và lời đã lọt tai,

Nhưng cần thận phải mật vài câu dòn,

(to) Này Yêu Ly, tưởng lừa ta chuyện gọn,

Nhưng trá hàng là kẻ gạt ai kia!

Thương cho người nhút nhát chẳng trông về,

Vả Quang họ tướng cười chớ được Khánh,

Người bắt chước chim câu tung trời vỗ cánh

Sang thăm dò, dần bắt chổ vong thân!

Này Yêu Ly, đầu người đem tới dâng

Gươm chẳng tức một lần ra khỏi vỏ

(thốt gươm đứng dậy)

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THỤY

HẠNH THỰC CA

(Tiếp theo trang 16)

ngay còn-đó (1) quấy - rồi. Bây giờ muốn cho nước được yên-àn vững-vàng, thì phải lập ngay người khác lên làm vua mới được. Mà nghe như hoàng-rừ đã có sẵn, cha truyền con nối là danh-p-ận chíou-đang lắm rồi. Hồ có người cầm quyền sửa trị v-ộc nước, thì sẽ giao trả thân-trí đất nước và lại giữ gìn hộ-vệ cho nữa. Còn như ông Hàm-Ngư đã đi xa, ầu-đầu rồi không rõ, đầu có vẽ thì cũng phải cho một -hức công đầu gì đó là xong. Thái-hậu nghe rõ đầu đuôi, hỏi quan ta rằng: « Người Pháp tâu như vậy, thì anh thế nào? » Hai quan ta là Nguyễn-hữu-Độ và Phan-dinh Bình đều tâu rằng: « Chúng tôi cũng vẫn ước ao như thế quý quan phân trần như vậy rất hay. Theo hiền mà nổi được nghiệp lớn của cha thì dân nước mới yên. Trước nhờ tránh-được cha -chương, sau nhờ thái-hậu sửa sang mới giông, bên ngoài lại có quý-quan bảo-hộ, thì cái cơ thái-bình thịnh - trị chắc là lại được như xưa » (1) Thái-hậu thoảng nghe những lời của các quan tâu bày, phán rằng: « Đúng như vậy, cũng nhờ có các người. Nay ta y lời tất cả, nên bảo giao trả đồ-thành ngay, chờ đồ chệm-trở, rồi rước Kiên-giang-công về đây, ở tạm nơi Xung-khiêm đồ chờ ngày vào kinh. Cố làm sao sớm dọn dẹp lại cho, vì dân mẫn chứa thì phải lo phục người. Nền nhân cây đức vun trồng càng ngày càng bền chặt, dầu mà muốn lần hiệp cũng không trôi nào cho. Muốn thử lòng nước Pháp có phò hộ thật hay không, nên cho người vẽ trước, thử thăm dò xem sao. » Quan ta hội-hop cả ở triều-dinh, yêu cầu người Pháp trả ngay kinh-thành. Xem chừng cũng có lòng tôn-trọng kinh-nữ, không có chút gì là đối-đối. Các quan đi thăm, vẽ tâu rõ mọi việc, rồi xin ngự-giá về mau kinh - thành

(Còn nữa) Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

14) Câu « Bảo phò lại có quý quan, đi là bình trị phục hoàn như xưa » bản năm phê lại chữ « mộng thuật » nghĩa là « nói chiêm bao », mà thật thì, đòi nào người Tây giữ quyền bảo-hộ, mà lại được thái-bình thịnh-trị như khi độc-lập.

15) Câu « Làm sao sớm dọn dẹp lại cho » bản năm phê hai chữ « tức thúc » nghĩa là « kiên thúc cao vọng » tức là khen thái hậu có ý cao-siêu. Tuy câu nói to-lông mà mãi đến ngày nay mới thực hành được sáu mươi năm mà việc làm mới đúng lời nói: quyết tự-chủ thật là tài-thông-tiêng...

T.T.T.G.V.H. : Do nghị định số 18 ngày 8 tháng 10 năm 1945 của ông Bộ trưởng bộ Nội Vụ
 Chủ-nhiệm kiểm quản lý : Nguyễn-Trương-Phượng
 Nhà in Tri-Tân số 95-97 phố Đông Tân Hà

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 212

Từ toàn dân kháng chiến
 đến toàn dân vận động Kiến-Xương
 Sự kháng-cự cuối cùng của dân Ng.-hiệu-Lưu
 Châm năm Ấ-tỵ 1945 Thi-Nham
 Kháng chiến ca Nguyễn-văn-Tố
 Hạnh thực ca (XII) Đỗ-Thức
 Bàn góp phép công Ứng-hoè
 Tài liệu đình chính văn cổ (XC) Lưu-quang-Thuận
 Kịch Yếu lý (VIII)

GIÁ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	7 , 20

LỜI HIỆU TRIỆU

đồng bào Việt-nam

Ngày 21 tháng 11, chúng tôi tất cả 60 người trong các giới đã hội họp và bầu một Ủy Ban Hiệu Triệu các đoàn thể và các giới cử đại biểu đến họp tại Hội Quán hội Hợp Thiện, 125 Phố Bồ Cai Đại Vương (Henri d'Orléans) ngày thứ bảy 24-11-45 đúng 3 giờ chiều, để đề nghị với các đảng phái thực hiện sự đoàn kết chặt chẽ và thành thực theo ý muốn của dân chúng

UY BAN HIỆU TRIỆU